

**TỔNG HỢP BỔ SUNG KINH PHÍ SỰ NGHIỆP THỰC HIỆN CÁC
CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NĂM 2025 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025 của Ủy ban
nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Huyện, thành phố	Tổng cộng	Nông thôn mới	Giảm nghèo bền vững	Phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi
	TỔNG CỘNG	129.580	61.019	63.580	4.981
	<i>Cấp huyện</i>	<i>111.155</i>	<i>47.591</i>	<i>58.946</i>	<i>4.618</i>
	<i>Cấp xã</i>	<i>18.425</i>	<i>13.428</i>	<i>4.634</i>	<i>363</i>
1	Thành phố Vĩnh Yên	4.706	1.253	3.453	0
	<i>Cấp huyện</i>	<i>3.500</i>	<i>351</i>	<i>3.149</i>	
	<i>Cấp xã</i>	<i>1.206</i>	<i>902</i>	<i>304</i>	
2	Thành phố Phúc Yên	5.579	1.821	3.530	228
	<i>Cấp huyện</i>	<i>4.416</i>	<i>1.001</i>	<i>3.220</i>	<i>195</i>
	<i>Cấp xã</i>	<i>1.163</i>	<i>820</i>	<i>310</i>	<i>33</i>
3	Huyện Bình Xuyên	12.107	4.924	6.905	278
	<i>Cấp huyện</i>	<i>10.176</i>	<i>3.524</i>	<i>6.407</i>	<i>245</i>
	<i>Cấp xã</i>	<i>1.931</i>	<i>1.400</i>	<i>498</i>	<i>33</i>
4	Huyện Tam Đảo	17.971	4.762	9.890	3.319
	<i>Cấp huyện</i>	<i>16.349</i>	<i>3.718</i>	<i>9.543</i>	<i>3.088</i>
	<i>Cấp xã</i>	<i>1.622</i>	<i>1.044</i>	<i>347</i>	<i>231</i>
5	Huyện Tam Dương	13.061	7.644	5.417	0
	<i>Cấp huyện</i>	<i>11.168</i>	<i>6.220</i>	<i>4.948</i>	
	<i>Cấp xã</i>	<i>1.893</i>	<i>1.424</i>	<i>469</i>	
6	Huyện Yên Lạc	14.939	8.722	6.217	0
	<i>Cấp huyện</i>	<i>12.504</i>	<i>6.914</i>	<i>5.590</i>	
	<i>Cấp xã</i>	<i>2.435</i>	<i>1.808</i>	<i>627</i>	
7	Huyện Vĩnh Tường	21.369	11.089	10.280	0
	<i>Cấp huyện</i>	<i>18.433</i>	<i>8.935</i>	<i>9.498</i>	
	<i>Cấp xã</i>	<i>2.936</i>	<i>2.154</i>	<i>782</i>	
8	Huyện Lập Thạch	22.462	11.689	10.295	478
	<i>Cấp huyện</i>	<i>19.485</i>	<i>9.491</i>	<i>9.549</i>	<i>445</i>
	<i>Cấp xã</i>	<i>2.977</i>	<i>2.198</i>	<i>746</i>	<i>33</i>
9	Huyện Sông Lô	17.386	9.115	7.593	678
	<i>Cấp huyện</i>	<i>15.124</i>	<i>7.437</i>	<i>7.042</i>	<i>645</i>
	<i>Cấp xã</i>	<i>2.262</i>	<i>1.678</i>	<i>551</i>	<i>33</i>